

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH MỤC****Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-BTP ngày 01/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP					
1.	Luật	- Số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Luật sư.	Các Điều 3, 6, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 27, 32, 39, 40, 45, 49, 50, 60, 61, 65, 67, 68, 69, 70, 72, 74, 76, 82, 83, 89.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	01/7/2013
			Cụm từ “bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 78	Bị bãi bỏ bởi Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	01/7/2013
			Điều 8, Điều 52 và Điều 63	Bị bãi bỏ bởi Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	01/7/2013
			Cụm từ “tổ chức luật sư toàn quốc”	Được thay thế bằng cụm từ “Liên đoàn luật sư Việt Nam” tại Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	01/7/2013
			Cụm từ “quản lý hành nghề luật sư”	Được thay thế bằng cụm từ “quản lý luật sư và hành nghề luật sư” tại Luật số	01/7/2013

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	
			Cụm từ “Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư”	Được thay thế bằng cụm từ “Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam” tại Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	01/7/2013
			Cụm từ “trợ giúp pháp lý miễn phí”	Được thay thế bằng cụm từ “trợ giúp pháp lý” tại Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư	01/7/2013
2.	Luật	- Số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Giám định tư pháp.	Cụm từ “quy hoạch và” tại khoản 1 Điều 40	Bị bãi bỏ bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch	01/01/2019
			Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 3; khoản 3 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 8; tên Điều 9; khoản 2 Điều 9; Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 15; Điều 20; khoản 2 Điều 21; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 22; Điều 24; Điều 25; Điều 31; Điều 32; khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 33; Điều 36; khoản 2 Điều 38; Điều 41; điểm đ khoản 2, điểm h khoản 2, khoản 3 Điều 42; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (năm 2020)	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			khoản 1 Điều 43; khoản 2 Điều 43; khoản 2, khoản 4 Điều 44.		
			Cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 17 và khoản 3 Điều 19	Được thay thế bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (năm 2020)	01/01/2021
			Khoản 3 Điều 45	Bị bãi bỏ bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (năm 2020)	01/01/2021
3.	Luật	- Số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.	Quy định về việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27	Bị bãi bỏ bởi Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội	01/01/2018
4.	Luật	- Số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014; - Công chứng.	Khoản 1 Điều 18; khoản 1 Điều 24; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 69	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch	01/01/2019
			Điểm b khoản 1 Điều 70	Bị bãi bỏ bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch	01/01/2019
5.	Nghị định	- Số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Về tư vấn pháp luật.	Điều 13, khoản 1 Điều 20	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật	01/4/2012
6.	Nghị định	- Số 63/2011/NĐ-CP	Điểm d khoản 1 Điều 8; điểm đ khoản 1	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 124/2018/NĐ-CP	19/9/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		ngày 28/7/2011; - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.	Điều 10; điểm b, c và e khoản 2 Điều 21; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 22	ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại	
			Điểm đ khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 21	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại	19/9/2018
7.	Nghị định	- Số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012; - Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật.	Điều 3, Điều 5	Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư	28/11/2013
			Điều 1	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm	15/10/2017
			Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý	01/01/2018
8.	Nghị định	- Số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013; - Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật	Khoản 3, khoản 4 Điều 29	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		Giám định tư pháp.		của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.	
			Điều 1; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 21; Điều 23; Điều 26; điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 27; điểm b khoản 2 Điều 27; Điều 28	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp	01/01/2021
			Cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 17	Được thay thế bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp	01/01/2021
9.	Nghị định	- Số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	Điều 1, Điều 17, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 41	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư	25/11/2018
			Điều 43	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ	25/11/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định của Chính phủ chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư	
10.	Nghị định	- Số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản.	Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản	01/9/2023
11.	Thông tư	- Số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010; - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.	Khoản 3 Điều 5; khoản 2, khoản 3 Điều 6.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp	14/12/2011
			Khoản 5 Điều 5 đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp	14/12/2011
12.	Thông tư	- Số 19/2011/TT-BTP ¹	Điều 2	Được thay thế bằng Thông tư số	15/02/2016

¹ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Hỗ trợ tư pháp; Trợ giúp pháp lý.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		ngày 31/10/2011; - Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.		20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	
			Điều 1	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	12/10/2018
13.	Thông tư	- Số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại.	Một phần các biểu mẫu số 20/TP-TTTM và 21/TP-TTTM	Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp	16/01/2014
I.2. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC					
14.	Thông tư liên tịch	- Số 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 02/11/2012; - Hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường	Khoản 3 Điều 2; Điểm a khoản 2 Điều 14; khoản 2, khoản 3 Điều 19	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 01/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 20/6/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ	03/8/2016

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		của Nhà nước trong hoạt động tổ tụng hình sự.		trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
I.3. LĨNH VỰC DÂN SỰ - KINH TẾ					
15.	Nghị định	- Số 126/2014/NĐ-CP ² ngày 31/12/2014; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình.	Từ Mục 1 đến Mục 6 Chương III gồm các điều từ Điều 19 đến Điều 50 và Điểm a khoản 1 Điều 63	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	01/01/2016
			Khoản 2 Điều 63	Được sửa đổi bởi Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	01/01/2016
I.4. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM					
16.	Thông tư	- Số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018; - Hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Điều 1; khoản 3 Điều 2; Điều 5, khoản 3, khoản 7, khoản 8 Điều 6; khoản 1, khoản 2 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20; khoản 1 Điều 22.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2020/TT-BTP ngày 17/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp	01/02/2021
			Điểm b khoản 7 Điều 6, khoản 2 Điều 12	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2020/TT-BTP ngày 17/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	01/02/2021

² Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Dân sự - Kinh tế; Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		thuộc Bộ Tư pháp.		sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp	
I.5. LĨNH VỰC HÌNH SỰ - HÀNH CHÍNH					
17.	Bộ luật	- Số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 - Hình sự.	Điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 3; Điều 9; khoản 2 Điều 12; Điều 14; Điều 19; Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 61; khoản 1 và khoản 2 Điều 66; Điều 71; Điều 76; điểm d khoản 1 Điều 84; khoản 1 Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 93; Điều 94; Điều 95; khoản 1 Điều 100; khoản 2 Điều 107; Điều 112; khoản 1, 2 và 3 Điều 113; Điều 134; khoản 1, 2 và 3 Điều 141; khoản 2 và khoản 3 Điều 142; khoản 2 và khoản 3 Điều 143; khoản 2 và khoản 3 Điều 144; khoản 1, 2 và 3 Điều 150; Điều 151; khoản 2, 3 và 4 Điều 153; khoản 1, 2 và 3 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 và khoản 2 Điều 162; khoản 2, 3 và 4 Điều 169; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH13 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13	01/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>173; Điều 175; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 178; Điều 186; Điều 188; Điều 189; Điều 190; Điều 191; Điều 192; Điều 193; Điều 194; Điều 195;</p> <p>Điều 199; Điều 200; tên điều và khoản 1 Điều 206; Điều 213; Điều 217; Điều 225; Điều 226; Điều 227; Điều 232; Điều 233; Điều 234; Điều 235; Điều 237; Điều 238; Điều 239; khoản 1, 2 và 3 Điều 242; Điều 243; Điều 244; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 249; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 250; khoản 2, 3 và 4 Điều 251; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 252; khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 253; tên điều và khoản 1 Điều 259; Điều 260; Điều 261; Điều 262; Điều 263; Điều 264; Điều 265; Điều 266; Điều 267; Điều 268; Điều 269; Điều 270; Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 274; Điều 275; Điều 276; Điều 277; Điều 278; Điều 279; Điều 280; khoản 2, 3 và 4 Điều 282; Điều 283; Điều 284; Điều 295; Điều 296; Điều 297; Điều 298; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 301; khoản 2, 3 và 4 Điều 302; khoản 1 và khoản 2 Điều 303; khoản 2, 3 và 4 Điều 304; khoản 2, 3 và 4 Điều 305; Điều 306; Điều 307; Điều 308; Điều 309; Điều 310; Điều 311; Điều 312; Điều 313; Điều 314;</p>		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Điều 315; khoản 1, 2 và 3 Điều 316; Điều 317; khoản 1 Điều 321; khoản 1 và khoản 2 Điều 322; Điều 324; Điều 325; khoản 1, 2 và 3 Điều 326; tên điều, các khoản 1, 2 và 3 Điều 337; Điều 341; tên điều, khoản 1 và khoản 2 Điều 344; Điều 360; khoản 1 và khoản 2 Điều 363; khoản 1 Điều 366; khoản 2 và khoản 3 Điều 370; khoản 1, 2 và 3 Điều 371; Điều 375; khoản 1 và khoản 2 Điều 376; tên điều và khoản 1 Điều 377; khoản 1 Điều 388; khoản 1 Điều 389; khoản 1 Điều 390; Điều 391; khoản 1 và khoản 2 Điều 410		
			Điều 292	Bị bãi bỏ bởi Luật số 12/2017/QH13 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13	01/01/2018
			<ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý” bằng cụm từ “Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng” tại khoản 3 Điều 29; - Thay thế dấu “,” bằng từ “hoặc” trước cụm từ “người đủ 70 tuổi trở lên” tại điểm i khoản 1, trước cụm từ “tàn ác để phạm tội” tại điểm m khoản 1 và trước cụm từ 	Được thay theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật số 12/2017/QH13 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13	01/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>“phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người” tại điểm n khoản 1 Điều 52;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Cấm vay vốn ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc các quỹ đầu tư” bằng cụm từ “Cấm vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quỹ đầu tư” tại điểm a khoản 2 Điều 81;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%” bằng cụm từ “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên” tại điểm a khoản 2 Điều 135;</p> <p>- Thay thế cụm từ “phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm” bằng cụm từ “phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm” tại khoản 1 Điều 138; cụm từ “phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm” bằng cụm từ “phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm” tại khoản 1 Điều 139 và khoản 1 Điều 362; cụm từ “phạt tù từ 01 năm đến 05 năm” bằng cụm từ “phạt tù từ 02 năm đến 05 năm” tại khoản 3 Điều 139; cụm từ “phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” bằng</p>		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>cụm từ “phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm” tại khoản 1 Điều 241; cụm từ “phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm” bằng cụm từ “phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” tại khoản 1 Điều 419;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 11% trở lên” bằng cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên” tại điểm b khoản 2 Điều 140; cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%” bằng cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%” tại điểm đ khoản 2 Điều 146, điểm e khoản 2 Điều 147, điểm e khoản 2 Điều 149, điểm g khoản 2 Điều 155, điểm g khoản 2 Điều 156 và điểm d khoản 2 Điều 368; cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên” bằng cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên” tại điểm a khoản 3 Điều 146, điểm a khoản 3 Điều 147, điểm c khoản 3 Điều 149, điểm a khoản 3 Điều 155, điểm b khoản 3 Điều 156, điểm c khoản 3 Điều 368 và điểm g</p>		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>khoản 2 Điều 397;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “Người nào đánh tráo người dưới 01 tuổi này với người dưới 01 tuổi khác” bằng cụm từ “Người nào đánh tráo người dưới 01 tuổi” tại Điều 152; - Thay thế cụm từ “Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này” bằng cụm từ “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều này” tại điểm b khoản 5 Điều 196; - Thay thế cụm từ “lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất” bằng cụm từ “lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất” tại khoản 1 và cụm từ “Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên” bằng cụm từ “Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên” tại khoản 2 Điều 201; - Thay thế cụm từ “100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng” bằng cụm từ “200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng” tại khoản 2 và cụm từ “Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này” bằng cụm từ “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều này” 		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>tại điểm b khoản 4 Điều 203;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “gây thiệt hại về tài sản” bằng cụm từ “gây thất thoát, lãng phí” tại điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 219; - Thay thế cụm từ “thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại” bằng cụm từ “có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo” tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 236; từ “quy chuẩn” bằng từ “Quy chuẩn” tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 236; - Thay thế cụm từ “phân khu bảo tồn nghiêm ngặt” bằng cụm từ “phân khu bảo vệ nghiêm ngặt” tại điểm b khoản 2 Điều 245; - Thay thế cụm từ “Vận chuyển với số lượng” bằng cụm từ “Có số lượng” tại điểm đ khoản 2 và cụm từ “Vận chuyển qua biên giới” bằng cụm từ “Vận chuyển, mua bán qua biên giới” tại điểm e khoản 2 Điều 254; - Thay thế từ “viễn thông” bằng cụm từ “mạng viễn thông” và dấu “,” bằng từ 		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>“hoặc” sau từ “trao đổi” tại khoản 1 Điều 285;</p> <p>- Thay thế cụm từ “hệ thống thông tin, giao dịch tài chính” bằng cụm từ “hệ thống thông tin tài chính” tại điểm b khoản 3 Điều 287;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm từ 11% đến 45%” bằng cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%” tại điểm e khoản 2; cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm 46% trở lên” bằng cụm từ “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên” tại điểm c khoản 3 Điều 327;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Phạm tội trong những trường hợp sau đây” bằng cụm từ “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây” tại khoản 2 Điều 338, khoản 2 và khoản 3 Điều 350;</p> <p>- Thay thế cụm từ “05 giấy tờ giả” bằng cụm từ “06 giấy tờ giả” tại điểm a khoản 3 Điều 359; thay thế cụm từ “05 người trở lên” bằng cụm từ “06 người trở lên” tại điểm a và cụm từ “tội phạm đặc biệt</p>		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>ng nghiêm trọng” bằng cụm từ “tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” tại điểm b khoản 3 Điều 369;</p> <p>- Thay thế từ “hỏi cung” bằng cụm từ “người bị hỏi cung” tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 374; cụm từ “người đang chấp hành hình phạt tù” bằng cụm từ “người đang chấp hành án phạt tù” tại khoản 1, cụm từ “người tiến hành tố tụng” bằng cụm từ “người có thẩm quyền tiến hành tố tụng” tại điểm c khoản 2 Điều 378;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Điều 135” bằng cụm từ “Điều 134” tại khoản 1 Điều 398;</p> <p>- Thay thế cụm từ “ngày 01 tháng 7 năm 2016” bằng cụm từ “ngày 01 tháng 01 năm 2018” tại Điều 426.</p>		
			<p>- Bỏ cụm từ “; tài sản là kỹ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại” tại điểm d khoản 1 Điều 172 và điểm d khoản 1 Điều 174;</p> <p>- Bỏ cụm từ “hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa” tại khoản 1 Điều 176 và khoản 1 Điều 177;</p> <p>- Bỏ điểm đ khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 172; điểm g khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 174;</p>	Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật số 12/2017/QH13 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13	01/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ dấu “,” sau cụm từ “200.000.000 đồng” tại khoản 1 Điều 176; - Bỏ cụm từ “của Nhà nước” tại tên điều Điều 220 và Điều 221; - Bỏ từ “các” trước cụm từ “quy định về quản lý khu bảo tồn” tại tên điều và khoản 1, bỏ từ “từ” trước cụm từ “500 mét vuông (m2) trở lên” tại điểm b khoản 2 Điều 245; - Bỏ từ “một” tại khoản 3 Điều 346; - Bỏ từ “từ” trước cụm từ “1.000.000.000 đồng” tại khoản 3 Điều 223 và trước cụm từ “11 giấy tờ giả trở lên” tại điểm a khoản 4 Điều 359; - Bỏ cụm từ “thẩm định giá tài sản” tại khoản 1 Điều 383; Bỏ cụm từ “, kinh tế, lao động” sau cụm từ “các vụ án hình sự, hành chính, dân sự” tại khoản 1 Điều 384. 		
18.	Thông tư liên tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007; - Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999. 	Điểm a tiết 1.1 mục 1 Phần I; tiết 1.4 mục 1 Phần I	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối	30/12/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999	
			Điểm đ tiết 3.7 mục 3 Phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 Phần II; mục 8 Phần II	Bị bãi bỏ bởi Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999	30/12/2015
I.6. LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC					
19.	Luật	- Số 24/2008/QH12 ngày 13/11/2008; - Quốc tịch Việt Nam.	Điều 13	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam	26/6/2014
			khoản 3 Điều 26	Bị bãi bỏ bởi Luật số 56/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam	26/6/2014
20.	Nghị định	- Số 126/2014/NĐ-CP ³	Từ Mục 1 đến Mục 6 Chương III gồm	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 123/2015/NĐ-CP	01/01/2016

³ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Dân sự - kinh tế; Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		ngày 31/12/2014; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.	các điều từ Điều 19 đến Điều 50 và điểm a khoản 1 Điều 63	ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	
			Khoản 2 Điều 63	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	01/01/2016
21.	Nghị định	- Số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	Khoản 1, khoản 2 Điều 12	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ Quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến	15/9/2020
			Cụm từ “trong giai đoạn chuyên tiếp, người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú” tại khoản 1 Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	01/01/2023
22.	Thông tư	- Số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết	Nội dung “sổ hộ khẩu, sổ tạm trú” tại khoản 1 Điều 8 và tại điểm b khoản 3 Điều 9	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch	01/01/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.			
23.	Thông tư	- Số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.	Khoản 1 Điều 9	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến	02/8/2023
			Phụ lục 1 và Phụ lục 2	Được thay bởi Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến	02/8/2023
1.7. LĨNH VỰC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA, HỢP NHẤT VĂN BẢN QPPL, PHÁP ĐIỂN HỆ THỐNG QPPL					
24.	Luật	- Số 80/2015/QH13 ⁴	- Cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu	Bị bãi bỏ bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày	01/01/2021

⁴ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Xây dựng pháp luật.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		ngày 22/6/2015; - Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Quốc hội,” tại khoản 3 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 56 và khoản 4 Điều 57; - Cụm từ “, cơ quan tham gia thẩm tra” tại điểm a khoản 1 Điều 50; Cụm từ “dự thảo nghị quyết” tại khoản 5 Điều 115.	18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	
			Khoản 3, khoản 8 Điều 4; Điều 6; Điều 12; khoản 4 Điều 14; Điều 18; Điều 25; Điều 30; Điều 47; khoản 2, khoản 7 Điều 55; điểm b khoản 3 Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 63; khoản 2 Điều 64; khoản 6 Điều 65; Điều 74; Điều 75; Điều 76; Điều 77; khoản 2 Điều 84; khoản 3, khoản 5 Điều 85; Điều 87; khoản 1, khoản 2 Điều 88; Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 90; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; Điều 93; điểm d khoản 2 Điều 98; điểm d khoản 2 Điều 102; khoản 5 Điều 103; Điều 109; Điều 110; khoản 1, khoản 3 Điều 111; khoản 1 Điều 116; khoản 2, khoản 3 Điều 117; khoản 1 Điều 119; Điều 121; điểm d khoản 1 Điều 122; điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 124; điểm c khoản 2 Điều 128; Điều 130; Điều 131; khoản 1 Điều 134; Điều 139; Điều 146; khoản 3 Điều 147; Điều 148; điểm b, điểm c khoản 1 Điều	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			149; Điều 151; khoản 1 Điều 153; Điều 157; khoản 4 Điều 172.		
			Từ “tiêu đề” tại khoản 3 Điều 8	Được thay thế bằng từ “tên” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Từ “Đề cương” tại điểm đ khoản 1 Điều 37 và khoản 5 Điều 114	Được thay thế bằng cụm từ “Dự kiến đề cương chi tiết” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Báo cáo đánh giá tác động của văn bản” tại điểm c khoản 2 Điều 95	Được thay thế bằng cụm từ “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản” tại điểm c khoản 2 Điều 98	Được thay thế bằng cụm từ “Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “khoản 1 Điều này” tại khoản 5 Điều 98	Được thay thế bằng cụm từ “khoản 3 Điều này” theo quy định tại Luật số	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	
			Cụm từ “đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết” tại khoản 2 Điều 113	Được thay thế bằng cụm từ “đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết” tại khoản 2 Điều 114	Được thay thế bằng cụm từ “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
25.	Nghị định	- Số 34/2016/NĐ-CP ⁵ ngày 14/5/2016; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Cụm từ “kiểm soát thủ tục hành chính” tại điểm c khoản 2 Điều 174	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính	25/9/2017
			- Điều 36; điểm c khoản 1 và khoản 6 Điều 143; - Cụm từ “, xác định còn hiệu lực” tại khoản 6 Điều 2; - Cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội” tại khoản 2 Điều 8;	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành	01/01/2021

⁵ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Xây dựng pháp luật.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Cụm từ “theo quy định tại khoản 2 Điều 134 và khoản 3 Điều 139 của Luật” tại khoản 3 Điều 54.	văn bản quy phạm pháp luật	
			Khoản 3 và khoản 4 Điều 4; khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 6; Điều 28; tên Điều 29; khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 65; khoản 6 Điều 69; Điều 72; khoản 1 Điều 75; điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 103; khoản 2 Điều 107; khoản 2 Điều 110; điểm a và điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 111; khoản 1 Điều 112; điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 113; khoản 5 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 118; khoản 1 Điều 121; điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 122; điểm a khoản 3 Điều 128; khoản 1 Điều 129; điểm a khoản 2 Điều 130; điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 139; Điều 141; khoản 4 Điều 149; Điều 155; khoản 1 và khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 160; khoản 2 Điều 162; Điều 164; Điều 167; khoản 4 Điều 170; khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 175; khoản 1 Điều 186; khoản 1 Điều 188.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Báo cáo giải trình, tiếp thu ý	Được thay thế bằng cụm từ “Bản tổng hợp,	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			kiến” tại khoản 6 Điều 10.	giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý” theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	
			Cụm từ “nghị quyết” tại khoản 2 Điều 34.	Được thay thế bằng cụm từ “dự thảo nghị quyết” theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “tiêu đề” tại khoản 3 và các điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 62.	Được thay thế bằng từ “tên” theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Phụ lục I và Phụ lục V.	Được thay theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	
I.8. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP					
26.	Luật	- Số 28/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Lý lịch tư pháp.	Điểm b khoản 1 Điều 45	Bị bãi bỏ bởi Luật Cư trú năm 2020	01/7/2021
27.	Thông tư	- Số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.	Điều 3; khoản 2, khoản 3 Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 11; Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 14; điểm b, c khoản 2 Điều 14; Điều 15; Điều 16.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 26/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp	10/01/2014
			Bảng mã cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP; Danh mục biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP; 08 biểu mẫu và 05 mẫu sổ lý lịch tư pháp kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP.	Được thay theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 26/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp	10/01/2014
I.9. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
28.	Nghị định	- Số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Quy định chi tiết thi hành một số điều của	Cụm từ “lệ phí đăng ký nuôi con nuôi”, “mức thu, chế độ quản lý, sử dụng lệ phí” tại khoản 1 Điều 1; cụm từ “khoản 1 và” tại khoản 3 Điều 38; quy định tại khoản 1	Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức	01/01/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		Luật Nuôi con nuôi.	Điều 38 và các Điều: 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46.	con nuôi nước ngoài	
			Khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 3; Điều 4; Điều 6; khoản 2, khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 14; Điều 16; khoản 3 Điều 20; Điều 30.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi	25/4/2019
			Cụm từ “công nhận việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài” tại khoản 2 Điều 1 và Mục 6 Chương II.	Được thay bởi cụm từ từ “ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài” theo quy định tại Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi	25/4/2019
			- Cụm từ “của người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài theo quy định tại điểm e và” tại khoản 3 Điều 5; - Khoản 3 Điều 3, Điều 11, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 31.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi	25/4/2019
			Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 24.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành	01/01/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				chính, cung cấp dịch vụ công	
			Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 24 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP)	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ	19/12/2023
			Điều 23, Điều 24, Điều 25.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ	19/12/2023
29.	Thông tư liên tịch	- Số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012; - Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.	Các quy định liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác giải quyết việc nuôi con nuôi, cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	01/01/2017
30.	Thông tư	- Số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011;	- Mẫu số 01/BC/PTTE được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9;	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	26/02/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		- Về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.	- Mẫu số 02/BC/VPCNN được quy định tại khoản 1 Điều 10.	Ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi	
			Điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 10.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	11/02/2022
			Cụm từ “được giới thiệu” tại điểm e và cụm từ “đã được giới thiệu làm con nuôi” tại điểm i khoản 1 Điều 6	Được thay thế bằng cụm từ “được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài” theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	11/02/2022
			Dấu “.” ở cuối câu tại điểm l khoản 1 Điều 6 và điểm e khoản 1 Điều 12	Được thay thế bằng dấu “;” theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	11/02/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Hạn báo cáo được tính như sau:” tại khoản 1 Điều 9; - Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9; - Cụm từ “gửi Tổng hợp” tại khoản 3 Điều 9; - Điều 7. 	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	11/02/2022
31.	Thông tư	<ul style="list-style-type: none"> - Số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; - Ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. 	Điểm c khoản 1 Điều 3	Được sửa đổi bởi Điều 1 Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	30/11/2023
Khoản 2 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi				
Cụm từ “Cục Con nuôi” tại khoản 3 Điều 7	Được thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn				

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi	
			Mẫu Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam tại Phụ lục 1	Được thay thế bằng mẫu Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi	
			Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4	Được thay thế bằng Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi	
			Cụm từ “Cục Con nuôi,” tại khoản 5 Điều 2 và khoản 1 Điều 5	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.10. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ					
32.	Nghị định	- Số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015; - Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Khoản 2 Điều 22	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ	19/12/2023
33.	Thông tư liên tịch	- Số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09/6/2008; - Hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với Cựu chiến binh.	Mục I. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2022/TT-BTP ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành	25/10/2022
			Mục II. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2021/TT-BTP ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành	11/11/2021
I.11. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH					
34.	Luật	- Số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; - Thi hành án dân sự.	Điều 1; điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 2; Điều 7; khoản 2 Điều 12; khoản 7 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 7 Điều 16; khoản 5, 6 và 7 Điều 18; khoản 1, 2 và 3 Điều 28; Điều 29; Điều 31; điểm c khoản 1, khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 38; Điều 44;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự	01/7/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Điều 45; Điều 47; khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 50; Điều 52; điểm d và điểm e khoản 1 Điều 54; Điều 61; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 72; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 73; Điều 74; Điều 75; điểm b khoản 1 Điều 99; Điều 102; Điều 103; Điều 104; khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 106; điểm c khoản 1 Điều 114; Điều 116; khoản 2 Điều 137; khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 161; điểm e khoản 1 Điều 167; điểm c khoản 2 Điều 168; Điều 170; Điều 173; Điều 174		
			Cụm từ “Tòa án cấp tỉnh”	Được thay thế bằng cụm từ “Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” theo quy định tại Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự	01/7/2015
			Cụm từ “Tòa án cấp huyện”	Được thay thế bằng cụm từ “Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương” theo quy định tại Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự	01/7/2015
			Điều 32, 33, 34, 51, 138 và 139; điểm b khoản 1 Điều 163; khoản 3 và khoản 4 Điều 179	Bị bãi bỏ bởi Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự	01/7/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Điểm đ khoản 1 Điều 2	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Cảnh tranh năm 2018 số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018	01/7/2019
			- Cụm từ “quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh” tại điểm a khoản 1 Điều 56 được thay bằng cụm từ “quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh”;	Được thay thế bằng cụm từ “quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh” theo quy định tại Luật Cảnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018	01/7/2019
			Cụm từ “Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh” tại Điều 26 và Điều 27	Được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh” theo quy định tại Luật Cảnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018	01/7/2019
			Điều 55, Điều 56, Điều 57	Được sửa đổi bổ sung bởi Điều 9 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự	01/3/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
35.	Luật	- Số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.	Cụm từ “quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh” tại Điều 1, điểm e khoản 2 Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	Được thay thế bằng cụm từ “quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh” theo quy định tại Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018	
36.	Nghị quyết của Quốc hội	- Số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008; - Về thi hành Luật Thi hành án dân sự.	Quy định tại mục 3 Nghị quyết số 24/2008/QH12	Luật Thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2009. Theo đó, tính đến ngày 01/7/2014 là đủ 05 năm Luật Thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, quy định tại mục 3 Nghị quyết số 24/2008/QH12 đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014 theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 24/2008/QH12	01/7/2014
37.	Nghị định	- Số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015; - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.	Các Điều 46, 47, 48 và các nội dung khác có liên quan đến phí thi hành án dân sự Điểm b khoản 2 Điều 64	Hết hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi	01/01/2017 01/5/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				hành án dân sự	
			Khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều 4; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5; khoản 1 và khoản 3 Điều 6; khoản 1 và khoản 4 Điều 7; khoản 2 và khoản 6 Điều 9; khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 16; khoản 1 và khoản 2 Điều 17; khoản 1 và khoản 6 Điều 24; khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 27; khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 49; khoản 3 Điều 50; khoản 1, điểm e khoản 2 và khoản 4 Điều 51; khoản 3 Điều 66; khoản 2 Điều 71	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự	01/5/2020
38.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ; - Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp.	Điểm c, điểm h khoản 1 Điều 3	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 19/2023/QĐ-TTg ngày 02/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp	20/9/2023
			Điểm a khoản 1 Điều 4; khoản 2 Điều 5	Được sửa đổi bởi Quyết định số 19/2023/QĐ-TTg ngày 02/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 61/2014/QĐ-TTg ngày	20/9/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp	
39.	Thông tư	<p>- Số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017;</p> <p>- Hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự.</p>	<p>Điều 4; điểm đ khoản 2 Điều 5; điểm c khoản 2 Điều 6; Điều 19; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 26; Điều 28; Điều 29; Điều 32; Điều 33; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 40; Điều 44; Điều 45; khoản 1 Điều 69; khoản 1 Điều 70; khoản 3 Điều 83</p> <p>Điểm e khoản 2 Điều 7; khoản 6 Điều 43</p> <p>- Khoản 2 Điều 1; Điều 3; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 5; điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 7; các Điều 20, 25, 27, 30, 31, 34, 37, 38, 41, 42, 43, 46, 47, 48, 65, 85 và Phụ lục số 01;</p> <p>- Từ “Các”, “các” và chữ “, c, d” tại điểm b khoản 2 Điều 6; chữ “, d, đ” tại điểm b</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự</p> <p>Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự</p> <p>Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2021/TT-BTP ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về công tác cán bộ trong lĩnh vực thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành</p>	<p>20/02/2019</p> <p>20/02/2019</p> <p>14/10/2021</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			khoản 2 Điều 8; từ “Các” và chữ “, d, đ” tại điểm b khoản 2 Điều 9; từ “Các”, “các” và chữ “, d, đ” tại điểm b khoản 2 của các Điều 10, 11, 12, 17, 18; chữ “, d, đ” tại khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 2 Điều 14; từ “Các”, “các” và chữ “, d, đ” tại điểm c khoản 2 Điều 15; từ “các” và chữ “, d, đ” tại điểm b khoản 2 Điều 16.		
40.	Thông tư	- Số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017; - Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Thi hành án dân sự.	Khoản 2, 3 Điều 2; điểm b, c, d khoản 4 Điều 5; điểm b, d khoản 4 Điều 6; điểm b, d khoản 4 Điều 7; khoản 1 Điều 8; điểm b, c, đ, e, k, n khoản 2 Điều 8; điểm h khoản 3 Điều 8; điểm b, c, d khoản 4 Điều 8; điểm b, d khoản 4 Điều 9; điểm b, c, e khoản 2 Điều 10; điểm b, d khoản 4 Điều 10; khoản 1 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 11; điểm b, d khoản 4 Điều 11; khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 12; điểm b, d khoản 4 Điều 12.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự	01/3/2021
			- Điểm d khoản 4 Điều 5 và Điều 8; - Điểm c khoản 4 của các Điều 6, 7, 9, 10, 11 và Điều 12.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2021/TT-BTP ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về công tác cán bộ trong lĩnh vực thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành	14/10/2021
41.	Thông tư	- Số 18/2018/TT-BTP ngày 28/12/2018; - Sửa đổi, bổ sung một	- Khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 24 Điều 1; - Khoản 2 Điều 3.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2021/TT-BTP ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật	14/10/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự.		về công tác cán bộ trong lĩnh vực thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành	
42.	Thông tư	- Số 08/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Thi hành án dân sự.	- Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 3 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 4 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 7 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 5 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 8 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 9 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 9 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 11 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2021/TT-BTP ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về công tác cán bộ trong lĩnh vực thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành	14/10/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			03/2017/TT-BTP tại khoản 13 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 16 Điều 1; - Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 12 Thông tư số 03/2017/TT-BTP tại khoản 19 Điều 1; - Cụm từ: “đã cấp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5, điểm b khoản 4 Điều 6, điểm b khoản 4 Điều 7, điểm b khoản 4 Điều 8, điểm b khoản 4 Điều 9, điểm b khoản 4 Điều 10, điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch” và cụm từ “đã cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực” tại khoản 21 Điều 1.		
I.12. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ					
43.	Nghị định	- Số 55/2011/NĐ-CP ⁶ ngày 04/7/2011; - Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.	Khoản 3a Điều 3, khoản 3a Điều 5, khoản 3a Điều 6 (đã được bổ sung tại Điều 4 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính)	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính	25/9/2017

⁶ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ; Xây dựng pháp luật, pháp chế.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.13. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					
44.	Thông tư	- Số 19/2011/TT-BTP ⁷ ngày 31/10/2011; - Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.	Điều 2	Được thay thế bằng Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	15/02/2016
			Điều 1	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	12/10/2018
45.	Thông tư liên tịch	- Số 58/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 08/5/2014; - Hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của Trợ giúp viên pháp lý.	Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 13/2018/TT-BTP ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý	15/11/2018
46.	Thông tư	- Số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017; - Quy định chi tiết một	- Khoản 2 Điều 16; - Khoản 16, khoản 17 Điều 34.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư	15/7/2021

⁷ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Bộ trợ tư pháp; Trợ giúp pháp lý.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.		số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	
			Khoản 2 Điều 4; điểm d khoản 1 Điều 5; khoản 1, khoản 3 Điều 6; khoản 1, khoản 4 Điều 7; Điều 8; khoản 1, khoản 3 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 3 Điều 16; khoản 2, khoản 3 Điều 17; điểm a khoản 3 Điều 29.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	15/7/2021
			Nội dung “sổ hộ khẩu” tại điểm a khoản 3 Điều 33.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch	01/01/2023
47.	Thông tư	- Số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018;	Điểm c khoản 4 Điều 4; Điều 12; khoản 12 Điều 13; tên Chương III; Điều 14;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ	15/7/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		- Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	Điều 16.	trưởng Bộ Tư pháp Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	
			- Nội dung “cấp ngày... tại...” và nội dung “dân tộc” tại Mẫu số 02-TP-TGPL (Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý); - Nội dung “ngày cấp... nơi cấp...” và nội dung “nghề nghiệp” tại Mẫu số 04-TP-TGPL (Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý); - Nội dung “ngày cấp... nơi cấp...”, nội dung “nghề nghiệp” và nội dung “dân tộc” tại Mẫu số 05-TP-TGPL (Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý).	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch	01/01/2023
I.14. LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT, PHÁP CHẾ					
48.	Luật	- Số 80/2015/QH13 ⁸ ngày 22/6/2015; - Ban hành văn bản quy	- Cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội,” tại khoản 3 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 56 và khoản 4 Điều 57;	Bị bãi bỏ bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm	01/01/2021

⁸ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Xây dựng pháp luật.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		phạm pháp luật.	<p>- Cụm từ “, cơ quan tham gia thẩm tra” tại điểm a khoản 1 Điều 50; Cụm từ “dự thảo nghị quyết” tại khoản 5 Điều 115.</p> <p>Khoản 3, khoản 8 Điều 4; Điều 6; Điều 12; khoản 4 Điều 14; Điều 18; Điều 25; Điều 30; Điều 47; khoản 2, khoản 7 Điều 55; điểm b khoản 3 Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 63; khoản 2 Điều 64; khoản 6 Điều 65; Điều 74; Điều 75; Điều 76; Điều 77; khoản 2 Điều 84; khoản 3, khoản 5 Điều 85; Điều 87; khoản 1, khoản 2 Điều 88; Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 90; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; Điều 93; điểm d khoản 2 Điều 98; điểm d khoản 2 Điều 102; khoản 5 Điều 103; Điều 109; Điều 110; khoản 1, khoản 3 Điều 111; khoản 1 Điều 116; khoản 2, khoản 3 Điều 117; khoản 1 Điều 119; Điều 121; điểm d khoản 1 Điều 122; điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 124; điểm c khoản 2 Điều 128; Điều 130; Điều 131; khoản 1 Điều 134; Điều 139; Điều 146; khoản 3 Điều 147; Điều 148; điểm b, điểm c khoản 1 Điều 149; Điều 151; khoản 1 Điều 153; Điều 157; khoản 4 Điều 172</p>	<p>pháp luật</p> <p>Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Từ “tiêu đề” tại khoản 3 Điều 8	Được thay thế bằng từ “tên” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Từ “Đề cương” tại điểm đ khoản 1 Điều 37 và khoản 5 Điều 114	Được thay thế bằng cụm từ “Dự kiến đề cương chi tiết” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Báo cáo đánh giá tác động của văn bản” tại điểm c khoản 2 Điều 95	Được thay thế bằng cụm từ “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản” tại điểm c khoản 2 Điều 98	Được thay thế bằng cụm từ “Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “khoản 1 Điều này” tại khoản 5 Điều 98	Được thay thế bằng cụm từ “khoản 3 Điều này” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Cụm từ “đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết” tại khoản 2 Điều 113	Được thay thế bằng cụm từ “đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết” tại khoản 2 Điều 114	Được thay thế bằng cụm từ “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết” theo quy định tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
49.	Nghị định	- Số 55/2011/NĐ-CP ⁹ ngày 04/7/2011; - Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.	Khoản 3a Điều 3, khoản 3a Điều 5, khoản 3a Điều 6 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính)	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính	25/9/2017
50.	Nghị định	- Số 34/2016/NĐ-CP ¹⁰ ngày 14/5/2016; - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Cụm từ “kiểm soát thủ tục hành chính” tại điểm c khoản 2 Điều 174 - Điều 36; điểm c khoản 1 và khoản 6 Điều 143;	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ	25/9/2017 01/01/2021

⁹ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ; Xây dựng pháp luật, pháp chế.

¹⁰ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Xây dựng pháp luật.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “, xác định còn hiệu lực” tại khoản 6 Điều 2; - Cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội” tại khoản 2 Điều 8; Cụm từ “theo quy định tại khoản 2 Điều 134 và khoản 3 Điều 139 của Luật” tại khoản 3 Điều 54 	<p>sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	
			<p>Khoản 3 và khoản 4 Điều 4; khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 6; Điều 28; tên Điều 29; khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 65; khoản 6 Điều 69; Điều 72; khoản 1 Điều 75; điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 103; khoản 2 Điều 107; khoản 2 Điều 110; điểm a và điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 111; khoản 1 Điều 112; điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 113; khoản 5 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 118; khoản 1 Điều 121; điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 122; điểm a khoản 3 Điều 128; khoản 1 Điều 129; điểm a khoản 2 Điều 130; điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 139; Điều 141; khoản 4 Điều 149; Điều 155; khoản 1 và khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 160; khoản 2 Điều 162; Điều 164; Điều 167; khoản 4</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Điều 170; khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 175; khoản 1 Điều 186; khoản 1 Điều 188.		
			Cụm từ “Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến” tại khoản 6 Điều 10.	Được thay thế bằng cụm từ “Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý” theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “nghị quyết” tại khoản 2 Điều 34.	Được thay thế bằng cụm từ “dự thảo nghị quyết” theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
			Cụm từ “tiêu đề” tại khoản 3 và các điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 62.	Được thay thế bằng từ “tên” theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Phụ lục I và Phụ lục V.	phạm pháp luật Được thay theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
51.	Thông tư liên tịch	- Số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09/6/2008 ¹¹ ; - Hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với Cựu chiến binh.	Mục I. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Mục II. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2022/TT-BTP ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2021/TT-BTP ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành	25/10/2022 11/11/2021
I.15. LĨNH VỰC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT					
52.	Luật	- Số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Xử lý vi phạm hành chính.	Khoản 1 Điều 122; đoạn đầu khoản 1 Điều 123 Mức xử phạt vi phạm hành chính tối đa	Được sửa đổi bởi Luật Hải Quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014. Được sửa đổi bởi Luật Thủy sản số	01/01/2015 01/01/2019

¹¹ Văn bản này có nội dung liên quan đến các lĩnh vực: Phổ biến, giáo dục pháp luật, tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở; xây dựng pháp luật, pháp chế

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hải sản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24	18/2017/QH14 ngày 21/11/2017	
	Luật	- Số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13 và Luật số 18/2017/QH14).	- Khoản 5 Điều 2; điểm d khoản 1 Điều 3; Điều 4; điểm a khoản 1 Điều 6; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 6; khoản 6 Điều 12; khoản 4 và khoản 6 Điều 17; khoản 3 Điều 18; khoản 3 Điều 21; khoản 3 và khoản 4 Điều 23; khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 3 Điều 25; - Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 39; - Khoản 3, khoản 4 Điều 40; - Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 5, khoản 7 Điều 41; - Khoản 6 Điều 41; - Điều 42; - Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 4 Điều 43; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 45; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 46; - Khoản 5 Điều 46; - Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 2 Điều 47; khoản 4 Điều 48; khoản 5 Điều 49; khoản 4 Điều 52; - Điều 53; Điều 54; Điều 58; Điều 61;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			khoản 1 và khoản 2 Điều 63; Điều 64; khoản 2 Điều 65; Điều 66; khoản 2 và khoản 3 Điều 71; khoản 1 Điều 74; Điều 76; Điều 77; khoản 1 Điều 78; khoản 1 Điều 79; khoản 5 Điều 80; khoản 1 Điều 86; Điều 87; khoản 1 Điều 88; điểm c khoản 3 Điều 88; Điều 90; Điều 92; khoản 1 Điều 94; khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 97; khoản 1 Điều 98; khoản 3 Điều 99; khoản 1 Điều 100; khoản 3 Điều 101; khoản 1 Điều 102; Điều 103; khoản 1 Điều 104; Điều 107; khoản 1 Điều 110; khoản 3 Điều 118; khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 122; Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 124; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 125; khoản 1, khoản 4, khoản 6 Điều 126; Điều 131; khoản 3 Điều 132; khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 140.		
			Cụm từ “tháo dỡ” tại điểm b khoản 1 Điều 28 và Điều 30	Được thay thế bằng cụm từ “phá dỡ” theo quy định tại điểm a khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “50.000.000 đồng” tại điểm b khoản 2 Điều 38 và điểm b khoản 5 Điều 39	Được thay thế bằng cụm từ “100.000.000 đồng” theo quy định tại điểm b khoản 73 Điều 1 Luật	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	
			Cụm từ “quản lý rừng, lâm sản” tại điểm b khoản 5 Điều 43	Được thay thế bằng cụm từ “lâm nghiệp” theo quy định tại điểm c khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “25.000.000 đồng” tại điểm b khoản 2 Điều 47	Được thay thế bằng cụm từ “50.000.000 đồng” theo quy định tại điểm d khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “24 giờ” tại khoản 3 Điều 60	Được thay thế bằng cụm từ “48 giờ” theo quy định tại điểm đ khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “cơ quan tiến hành tố tụng” tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 62	Được thay thế bằng cụm từ “cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng” theo quy định tại điểm e khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “bệnh viện” tại điểm d khoản 2 Điều 94, điểm b khoản 2 Điều 96, điểm a khoản 1 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 111	Được thay thế bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	
			Cụm từ “03 ngày” tại khoản 2 Điều 98	Được thay thế bằng cụm từ “02 ngày làm việc” theo quy định tại điểm h khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “02 người chứng kiến” tại khoản 4 Điều 128 và khoản 3 Điều 129	Được thay thế bằng cụm từ “ít nhất 01 người chứng kiến” theo quy định tại điểm i khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” tại điểm c khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 39; điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 41; điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 43; điểm c khoản 3 Điều 44; điểm c khoản 2 Điều 45; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 48; điểm c khoản 2 Điều 49	Được thay thế bằng cụm từ “có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” theo quy định tại điểm k khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Cụm từ “có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này” tại điểm c khoản 1 Điều 38	Được thay thế bằng cụm từ “có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” theo quy định tại điểm	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				k khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	
			Khoản 3 Điều 49	Bị bãi bỏ bởi điểm b khoản 25 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “06 tháng,” tại khoản 3 và điểm c khoản 5 Điều 17; - Cụm từ “Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật này.” tại Điều 26; - Cụm từ “có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” tại điểm d khoản 2 Điều 38, điểm d khoản 5 Điều 39, điểm c khoản 4 Điều 44, điểm c khoản 3 Điều 45, điểm d khoản 2 Điều 47, điểm c khoản 4 Điều 49; - Cụm từ “được sử dụng để” tại điểm c khoản 4 Điều 48; - Cụm từ “khoản 5 và khoản 9” tại khoản 3 Điều 60. 	Được bỏ theo quy định tại khoản 74 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
			Điều 50, Điều 82 và Điều 142	Bị bãi bỏ bởi khoản 75 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
	Luật	- Số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14 và Luật số 67/2020/QH14).	Khoản 1 Điều 64	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15 ngày 09/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện	01/7/2023
			Đoạn mở đầu khoản 2, khoản 3 Điều 46	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022	01/7/2023
53.	Nghị định	- Số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012; - Theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	Khoản 2 Điều 15; khoản 2 Điều 16	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	15/5/2020
			Khoản 5 Điều 15; khoản 6 Điều 16; khoản 5 Điều 17; Điều 18	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	15/5/2020
54.	Thông tư	- Số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014; - Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo	Chương 2, Chương 3	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều	10/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		đổi tình hình thi hành pháp luật.		của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP	
55.	Thông tư	- Số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018; - Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	Khoản 2 Điều 2; khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 5	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP	10/8/2021
			Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 4, khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	03/3/2023
I.16. LĨNH VỰC KHÁC					
56.	Luật	- Số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012; - Thủ đô.	Khoản 3 và khoản 4 Điều 19	Bị bãi bỏ bởi Luật Cư trú năm 2020	01/7/2021
Tổng số (I): 50 văn bản					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản					

*** Ghi chú: Các văn bản có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực:**

- Luật số 80/2015/QH13 (02 lĩnh vực);
- Nghị định số 126/2014/NĐ-CP (02 lĩnh vực);
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (02 lĩnh vực);
- Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (02 lĩnh vực);
- Thông tư số 19/2011/TT-BTP (02 lĩnh vực)
- Thông tư số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN (02 lĩnh vực).

